

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT**



**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT (45)**

**Cần Thơ, Tháng 07 năm 2019**

**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất được mô tả như sau:

**1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

Tên chương trình (tiếng Việt)	Giáo dục thể chất
Tên chương trình (tiếng Anh)	Physical Education
Mã số ngành đào tạo	7140206
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); - Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10); - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	Có khả năng làm công tác giảng dạy môn học Giáo dục thể chất ở các bậc học thuộc hệ thống Giáo dục quốc dân; tham gia làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan quản lý xã hội về TDTT; hoặc tổ chức hướng dẫn hoạt động thể dục thể thao cho mọi người tại các đơn vị TDTT cơ sở, các câu lạc bộ TDTT...
Khả năng học tập, nâng cao	Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học sau đại học

trình độ sau khi tốt nghiệp	(thạc sĩ, tiến sĩ) thuộc đúng chuyên ngành hoặc học chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác thuộc khối ngành thể dục thể thao tại các trường.
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	- Chương trình khung giáo dục đại học - ngành GDTC của Bộ GD & ĐT. - Chương trình đào tạo cử nhân GDTC - Trường đại học TDTT Bắc Ninh. - Chương trình đào tạo ngành GDTC - Trường Đại học Sư phạm TP.HCM - Chương trình đào tạo ngành GDTC - Học viện TDTT Thượng Hải, Trung Quốc.
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 - 2023
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 12 năm 2020

## 2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất trình độ đại học đào tạo sinh viên trở thành người giáo viên Giáo dục Thể chất có năng lực giảng dạy, quản lý và nghiên cứu khoa học tại các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trong các trung tâm TDTT, các cơ sở TDTT....; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, có ý thức, trách nhiệm trong công tác bảo vệ quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế; có khả năng thích nghi với các môi trường giáo dục; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng tự học và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

### 2.2. Mục tiêu cụ thể

a. Trang bị cho sinh viên trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng an ninh, năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành;

b. Hình thành và phát triển các năng lực: giao tiếp, tự chủ và tự học, học tập suốt đời, nghiên cứu khoa học TDTT, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác; tác phong sư phạm; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; khả năng thích ứng với môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế;

c. Rèn luyện sinh viên năng lực nhận thức chuyên sâu về TDTT, năng lực thể chất, năng lực thực hành, năng lực làm việc các ngành nghề phù hợp với chuyên môn GDTC và TDTT, năng lực học tập các ngành gần và năng lực học sau đại học;

d. Hình thành cho sinh viên những phẩm chất cá nhân, phẩm chất nghề nghiệp và phẩm chất xã hội phù hợp với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành.

## 3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

### 3.1. Kiến thức

#### 3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, quốc phòng, an ninh, tự nhiên, xã hội, con người và pháp luật;

b. Đạt được các yêu cầu về kiến thức công nghệ thông tin cơ bản và về trình độ năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Pháp) đáp ứng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành**

a. Trình bày được kiến thức nền tảng về khoa học giáo dục GDTC, tâm lý học TDDT, các xu hướng dạy học hiện đại trong dạy học và các nguyên tắc trong thiết kế chương trình môn học GDTC và đánh giá môn học GDTC trong trường phổ thông, hệ thống kiến thức cơ bản TDDT, quá trình phát triển sinh lý theo lứa tuổi - giới tính với hoạt động thể lực.

b. Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy, các phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp nghiên cứu theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học, tham gia và thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Giáo dục thể chất và TDDT.

### **3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành**

a. Nắm vững hệ thống kiến thức chuyên ngành GDTC và TDDT, đặc điểm thích nghi của lứa tuổi với hoạt động thể lực, kiến thức cơ bản và kỹ năng vận động cần thiết ở một số môn Thể thao trong nhà trường trung học phổ thông.

b. Thành thạo kỹ - chiến thuật và phương pháp giảng dạy - huấn luyện, tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài ở một số môn Thể thao phổ biến trong phong trào thể thao quần chúng.

c. Vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thống kê, đo lường trong TDDT, một số môn Thể thao phổ biến hiện hành.

d. Cụ thể hóa được các phương pháp, thủ thuật giảng dạy đặc thù của môn học GDTC và TDDT nhằm phát huy tính tích cực, phát triển tư duy và rèn luyện phát triển các tố chất thể lực của học sinh qua đó phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao một số môn thể thao phổ biến trong Nhà trường.

## **3.2. Kỹ năng**

### **3.2.1. Kỹ năng cứng**

a. Thực hiện chương trình, tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá môn học Giáo dục thể chất cho học sinh – sinh viên trong các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

b. Hướng dẫn, tổ chức thực hành, huấn luyện thi đấu các môn thể thao trong CTĐT, các hoạt động thể dục thể thao của nhà trường và tham gia, thực hiện công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục thể chất và TDDT.

### **3.2.2. Kỹ năng mềm**

a. Đạt trình độ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; có khả năng hợp tác quốc tế, đạt trình độ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định.

b. Tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập, cập nhật kiến thức từ những nguồn khác nhau đáp ứng theo nhu cầu và nhiệm vụ công tác, sáng tạo trong giải quyết vấn đề nhằm xây dựng năng lực thích ứng và tự học suốt đời.

## **3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

a. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; tôn trọng nội quy, quy chế làm việc của ngành giáo dục, tuân thủ các quy định về đạo đức nhà giáo.

b. Tích cực tham gia công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn, có tác phong và

cách thức làm việc phù hợp với công việc, cầu thị, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp trong môi trường giáo dục.

#### **4. Tiêu chí tuyển sinh**

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

## 5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

### 5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (1)	Chuẩn đầu ra (2)													
	Kiến thức (2.1)								Kỹ năng (2.2)				Mức độ tự chủ và trách nhiệm (2.3)	
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)				Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)			
	a	b	a	b	a	b	c	d	a	b	a	b	a	b
1.2a	X	X									X	X	X	X
1.2b			X	X					X		X	X		X
1.2c					X	X	X	X	X	X	X			
1.2d	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

### 5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	Chuẩn đầu ra (2)													
			Kiến thức (2.1)								Kỹ năng (2.2)				Mức độ tự chủ và trách nhiệm (2.3)	
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)				Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)			
			a	b	a	b	a	b	c	d	a	b	a	b	a	b
<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>													1		1	
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	1										1		1	
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	1										1		1	
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2										1		1	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	3											1		1
5	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	1										1			1
6	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	2										2			1
7	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	2										2			1
8	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)		1									2			1
9	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)		2									3			1
10	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)		2									1			1
11	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	1										1			1

TT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	Chuẩn đầu ra (2)														
			Kiến thức (2.1)								Kỹ năng (2.2)				Mức độ tự chủ và trách nhiệm (2.3)		
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)				Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)				
			a	b	a	b	a	b	c	d	a	b	a	b			a
12	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	2											2			1
13	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	2											2			1
14	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)		1										2			1
15	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)		2										3			1
16	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)		2										1			1
17	TN033	Tin học căn bản (*)		1										1			1
18	TN034	TT. Tin học căn bản (*)		2											1	1	
19	ML014	Triết học Mác - Lênin	1												1	1	
20	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1												1	1	
21	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2												1	1	
22	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2												1	1	
23	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3												1	1	
24	KL001	Pháp luật đại cương	1												1		1
25	ML007	Logic học đại cương	1												1		1
26	XH028	Xã hội học đại cương	1												1		1
27	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1												1		1
28	XH012	Tiếng Việt thực hành	1												1		1
29	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	1												1		1
30	KN001	Kỹ năng mềm	1												1		1
31	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	1												1		1
32	SG011	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	1												1	1	
33	SP009	Tâm lý học đại cương	1												1		1
34	SP009	Tâm lý học đại cương	1												1		1
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>																	
35	SP010	Tâm lý học sư phạm			2	2						2				2	
36	SP079	Giáo dục học			1	1						1				1	

TT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	Chuẩn đầu ra (2)															
			Kiến thức (2.1)								Kỹ năng (2.2)						Mức độ tự chủ và trách nhiệm (2.3)	
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)				Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)					
			a	b	a	b	a	b	c	d	a	b	a	b	a	b		
37	TC101	Tâm lý học thể dục thể thao			2	2							2		1		1	
38	TC107	Giải phẫu người			1	1						1			1		1	
39	TC199	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao trường phổ thông			2	2							2		1		1	
40	TC116	Vệ sinh học đường			1	1							2		1		1	
41	TC122	Phương pháp nghiên cứu khoa học - TĐTT			2	2							2		1		1	
42	TC125	Lịch sử thể dục thể thao			1	1						1			1		1	
43	TC126	Sinh lý học - TĐTT 1			1	1						1			1		1	
44	TC128	Đánh giá môn học Giáo dục thể chất			2	2						2			1		1	
45	TC129	Thiết kế chương trình môn học GDTC			2	2						2			1		1	
46	TC130	Tập giảng thể dục thể thao			2	2							2		1		1	
47	SP597	Kiến tập sư phạm			2	2							2		1		1	
48	SP598	Thực tập sư phạm			2	2						1			1		1	
49	TC223	Văn hóa học TĐTT			1	1						1			1		1	
50	TC220	Quản lý học thể dục thể thao và Olympic			1	1						1			1		1	
51	TC222	Ứng dụng công nghệ thông tin trong Thể dục thể thao			1	1						1			1		1	
	<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>																	
52	TC104	Sinh hóa - TĐTT						2		2			2		1		1	
53	TC110	Toán thống kê - TĐTT						2		2			2		1		1	
54	TC111	Đo lường - TĐTT						2		2			2		1		1	
55	TC114	Anh văn chuyên môn TĐTT						2		2			2		1		1	
56	XH018	Pháp văn chuyên môn - KHXXH						2		2			2		1		1	
57	TC123	Sinh cơ học - TĐTT						2		2			2		1		1	
58	TC124	Y học - TĐTT						2		2			2		1		1	
59	TC370	Phổ tu thể dục							2		2				2		1	



TT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	Chuẩn đầu ra (2)														
			Kiến thức (2.1)								Kỹ năng (2.2)				Mức độ tự chủ và trách nhiệm (2.3)		
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)				Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)				
			a	b	a	b	a	b	c	d	a	b	a	b			a
60	TC201	Phổ tu điền kinh							2		2				2		1
61	TC381	Công tác Đoàn - Đội và Trò chơi vận động							2		2				1		1
62	TC368	Phổ tu bóng bàn							2		2				2		1
63	TC219	Taekwondo							2		2				2		1
64	TC380	Phổ tu đá cầu							2		2				2		1
65	TC202	Phổ tu bóng chuyền							2		2				2		1
66	TC221	Thể thao giải trí và Phương pháp tổ chức							2		2				2		1
67	TC316	Bóng rổ							2		2				2		1
68	TC203	Phổ tu bóng đá							2		2				2		1
69	TC204	Phổ tu cầu lông							2		2				2		1
70	TC217	Bơi lội							2		2				2		1
71	TC224	Võ Cổ truyền							2		2				2		1
72	TC225	Võ Vovinam							2		2				2		1
73	TC205	Điền kinh nâng cao 1							3		3		3		2		2
74	TC386	Điền kinh nâng cao 2							3		3		3		2		2
75	TC390	Điền kinh nâng cao 3							3		3		3		2		2
76	TC206	Điền kinh nâng cao 4							3		3		3		2		2
77	TC207	Điền kinh nâng cao 5							3		3		3		2		2
78	TC208	Bóng chuyền nâng cao 1							3		3		3		2		2
79	TC387	Bóng chuyền nâng cao 2							3		3		3		2		2
80	TC391	Bóng chuyền nâng cao 3							3		3		3		2		2
81	TC209	Bóng chuyền nâng cao 4							3		3		3		2		2
82	TC210	Bóng chuyền nâng cao 5							3		3		3		2		2
83	TC211	Bóng đá nâng cao 1							3		3		3		2		2
84	TC388	Bóng đá nâng cao 2							3		3		3		2		2
85	TC392	Bóng đá nâng cao 3							3		3		3		2		2

TT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	Chuẩn đầu ra (2)														
			Kiến thức (2.1)							Kỹ năng (2.2)				Mức độ tự chủ và trách nhiệm (2.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)			Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)					
			a	b	a	b	a	b	c	d	a	b	a			b	a
86	TC212	Bóng đá nâng cao 4						3		3			3		2		2
87	TC213	Bóng đá nâng cao 5						3		3			3		2		2
88	TC214	Cầu lông nâng cao 1						3		3			3		2		2
89	TC389	Cầu lông nâng cao 2						3		3			3		2		2
90	TC393	Cầu lông nâng cao 3						3		3			3		2		2
91	TC215	Cầu lông nâng cao 4						3		3			3		2		2
92	TC216	Cầu lông nâng cao 5						3		3			3		2		2
93	TC400	Luận văn tốt nghiệp - TĐTT					3		3	3	3	3		3			2
94	TC399	Tiểu luận tốt nghiệp - TĐTT					2		2	2	2	2		2			2
95	TC317	Quần vợt						2		2					2		1
96	TC394	Cờ vua						2		2					2		1
97	TC396	Bóng ném						2		2					2		1
98	TC321	Karatedo						2		2					2		1
99	TC218	Khiêu vũ Thể thao						2		2					2		1

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Giáo dục thể chất được mô tả như sau:

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa	: 141 tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục đại cương	: 41 tín chỉ (Bắt buộc: 26 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)
Khối kiến thức cơ sở ngành	: 54 tín chỉ (Bắt buộc: 48 tín chỉ; Tự chọn: 06 tín chỉ)
Khối kiến thức chuyên ngành	: 46 tín chỉ (Bắt buộc: 32 tín chỉ; Tự chọn: 14 tín chỉ)

### 2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>											
1.	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30				Bộ trí theo nhóm ngành	
2.	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30				Bộ trí theo nhóm ngành	
3.	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65			Bộ trí theo nhóm ngành	
4.	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10			Bộ trí theo nhóm ngành	
5.	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		AV	60				I,II,III	
6.	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I,II,III	
7.	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I,II,III	
8.	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		I,II,III	
9.	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I,II,III	
10.	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I,II,III	
11.	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			PV	60				I,II,III
12.	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3				45		FL001		I,II,III
13.	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3				45		FL002		I,II,III
14.	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4				60		FL003		I,II,III
15.	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45			FL007		I,II,III	
16.	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3		45			FL008		I,II,III	
17.	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III	
18.	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III	
19.	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III	
20.	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III	
21.	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III	
22.	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III	
23.	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III	
24.	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III	
25.	ML007	Logic học đại cương	2			30				I,II,III	
26.	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III	
27.	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		2	30				I,II,III	
28.	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30					I,II,III
29.	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30					I,II,III
30.	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20				I,II,III
31.	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20				I,II,III
32.	SG011	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	2			30				I,II,III
33.	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				I,II,III	
34.	SP079	Giáo dục học	3	3		45				I,II,III	
<b>Cộng: 43 TC (Bắt buộc 31 TC; Tự chọn: 12 TC)</b>											
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>											
35.	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20		SP009	I,II,III	
36.	TC101	Tâm lý học thể dục thể thao	2	2		30				I,II,III	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
37.	TC107	Giải phẫu người	3	3		45				I,II,III
38.	TC199	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao trường phổ thông	3	3		45				I,II,III
39.	TC116	Vệ sinh học đường	2	2		30				I,II,III
40.	TC122	Phương pháp nghiên cứu khoa học TĐTT	2	2		30				I,II,III
41.	TC125	Lịch sử thể dục thể thao	2	2		30				I,II,III
42.	TC126	Sinh lý học - TĐTT 1	3	3		45				I,II,III
43.	TC128	Đánh giá môn học Giáo dục thể chất	2	2		30				I,II,III
44.	TC129	Thiết kế chương trình môn học GDTC	2	2		30				I,II,III
45.	TC130	Tập giảng thể dục thể thao	2	2			60		TC199	I,II,III
46.	SP597	Kiên tập sư phạm	2	2			60		TC130	I,II,III
47.	SP598	Thực tập sư phạm	3	3			90		SP597	I,II,III
48.	TC223	Văn hóa học TĐTT	2			30				I,II,III
49.	TC220	Quản lý học thể dục thể thao và Olympic	2		2	30				I,II,III
50.	TC222	Ứng dụng công nghệ thông tin trong Thể dục thể thao	2			15	30			I,II
<b>Cộng: 32 TC (Bắt buộc 30 TC; Tự chọn: 02 TC)</b>										
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>										
51.	TC104	Sinh hóa - TĐTT	3	3		45				I,II,III
52.	TC110	Toán thống kê - TĐTT	2	2		30				I,II,III
53.	TC111	Đo lường - TĐTT	2	2		30				I,II,III
54.	TC114	Anh văn chuyên môn TĐTT	2		2	30				I,II,III
55.	XH018	Pháp văn chuyên môn - KHXXH	2			30				I,II,III
56.	TC123	Sinh cơ học - TĐTT	2	2		30				I,II,III
57.	TC124	Y học - TĐTT	2	2		30				I,II,III
58.	TC370	Phổ tu thể dục	3	3		15	60			I,II
59.	TC219	Taekwondo	2	2			60			I,II
60.	TC201	Phổ tu điền kinh	3	3		15	60			I,II
61.	TC381	Công tác Đoàn - Đội và Trò chơi vận động	2		2		60			I,II,III
62.	TC221	Thể thao giải trí và Phương pháp tổ chức	2			15	30			I,II,III
63.	TC368	Phổ tu bóng bàn	3		18	15	60			I,II
64.	TC380	Phổ tu đá cầu	2			15	30			I,II
65.	TC316	Bóng rổ	3			15	60			I,II
66.	TC202	Phổ tu bóng chuyên	3			15	60			I,II
67.	TC203	Phổ tu bóng đá	3			15	60			I,II
68.	TC204	Phổ tu cầu lông	3			15	60			I,II
69.	TC217	Bơi lội	3			15	60			I,II
70.	TC224	Võ Cổ truyền	3			15	60			I,II
71.	TC225	Võ Vovinam	3			15	60			I,II
72.	TC205	Điền kinh nâng cao 1	3		N1	15	60	TC201		I,II
73.	TC386	Điền kinh nâng cao 2	3			15	60	TC205		I,II
74.	TC390	Điền kinh nâng cao 3	3			15	60	TC386		I,II
75.	TC206	Điền kinh nâng cao 4	3			15	60	TC390		I,II
76.	TC207	Điền kinh nâng cao 5	3			15	60	TC206		I,II
77.	TC208	Bóng chuyên nâng cao 1	3		N2	15	60	TC202		I,II
78.	TC387	Bóng chuyên nâng cao 2	3			15	60	TC208		I,II
79.	TC391	Bóng chuyên nâng cao 3	3			15	60	TC387		I,II
80.	TC209	Bóng chuyên nâng cao 4	3			15	60	TC391		I,II
81.	TC210	Bóng chuyên nâng cao 5	3			15	60	TC209		I,II
82.	TC211	Bóng đá nâng cao 1	3		N3	15	60	TC203		I,II
83.	TC388	Bóng đá nâng cao 2	3			15	60	TC211		I,II
84.	TC392	Bóng đá nâng cao 3	3			15	60	TC388		I,II
85.	TC212	Bóng đá nâng cao 4	3			15	60	TC392		I,II
86.	TC213	Bóng đá nâng cao 5	3			15	60	TC212		I,II
87.	TC214	Cầu lông nâng cao 1	3		N4	15	60	TC204		I,II
88.	TC389	Cầu lông nâng cao 2	3			15	60	TC214		I,II
89.	TC393	Cầu lông nâng cao 3	3			15	60	TC389		I,II
90.	TC215	Cầu lông nâng cao 4	3			15	60	TC393		I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
91.	TC216	Cầu lông nâng cao 5	3			15	60	TC215		I,II
92.	TC400	Luận văn tốt nghiệp - TĐTT	10		10		300	≥105TC		I,II
93.	TC399	Tiểu luận tốt nghiệp - TĐTT	4				120	≥105TC		I,II
94.	TC317	Quần vợt	3			15	60			I,II
95.	TC394	Cờ vua	2			15	30			I,II
96.	TC396	Bóng ném	2			15	30			I,II
97.	TC321	Karatedo	3			15	60			I,II
98.	TC218	Khiêu vũ Thể thao	2			15	30			I,II
<b>Cộng: 66 TC (Bắt buộc: 19 TC; Tự chọn: 47TC)</b>										
<b>Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 80 TC; Tự chọn: 61 TC)</b>										

### 3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
<b>Học kỳ 1</b>									
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành	
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành	
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành	
5	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			
6	TC201	Phổ tu điện kinh	3	3		15	60		
		<b>Cộng</b>	<b>13</b>	<b>10</b>	<b>3</b>				
<b>Học kỳ 2</b>									
	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			
1	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4 (3)	60			SV tự chọn
2	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45			
3	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			
4	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		
5	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30	0		
6	TC116	Vệ sinh học đường	2	2		30			
7	TC368	Phổ tu bóng bàn	3		03	15	60		SV tự chọn
8	TC380	Phổ tu đá cầu	2			15	60		
9	TC316	Bóng rổ	3			15	60		
10	TC202	Phổ tu bóng chuyên	3			15	60		
11	TC203	Phổ tu bóng đá	3			15	60		
12	TC204	Phổ tu cầu lông	3			15	60		
13	TC217	Bơi lội	3			15	60		
14	TC224	Võ Cổ truyền	3			15	60		
15	TC225	Võ Vovinam	3		15	60			
16	TC107	Giải phẫu người	3	3		45	0		
		<b>Cộng</b>	<b>20 (19)</b>	<b>15</b>	<b>4 (3)</b>				
<b>Học kỳ 3</b>									
1	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML009	
3	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023	SV tự chọn
4	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	
5	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		45		SP009	
6	TC370	Phổ tu thể dục	3	3		15	60		

7	TC125	Lịch sử thể dục thể thao	2	2		30			
8	TC205	Điền kinh nâng cao 1	3		03	15	60		SV tự chọn
9	TC208	Bóng chuyền nâng cao 1	3			15	60		
10	TC211	Bóng đá nâng cao 1	3			15	60		
11	TC214	Cầu lông nâng cao 1	3			15	60		
12	TC368	Phổ tu bóng bàn	3		3	15	60		SV tự chọn
13	TC380	Phổ tu đá cầu	2			15	30		
14	TC316	Bóng rổ	3			15	60		
15	TC202	Phổ tu bóng chuyền	3			15	60		
16	TC203	Phổ tu bóng đá	3			15	60		
17	TC204	Phổ tu cầu lông	3			15	60		
18	TC217	Bơi lội	3			15	60		
19	TC224	Võ Cổ truyền	3			15	60		
20	TC225	Võ Vovinam	3		15	60			
21	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			SV tự chọn
22	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
23	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
24	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
25	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
26	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		
27	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2		20	20			
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>09</b>	<b>11</b>				
<b>Học kỳ 4</b>									
1	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
2	SP079	Giáo dục học	3	3		45			
3	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3 (4)	45		XH024	SV tự chọn
4	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005	
5	TC386	Điền kinh nâng cao 2	3		03	15	60		SV tự chọn
6	TC387	Bóng chuyền nâng cao 2	3			15	60		
7	TC388	Bóng đá nâng cao 2	3			15	60		
8	TC389	Cầu lông nâng cao 2	3			15	60		
9	TC126	Sinh lý học - TĐTT 1	3	3		45			
10	TC223	Văn hóa học TĐTT	2		02	30			
11	TC220	Quản lý học thể dục thể thao và Olympic	2			30			
12	TC222	Ứng dụng công nghệ thông tin trong Thể dục thể thao	2			30			
13	TC368	Phổ tu bóng bàn	3		03	15	60		SV tự chọn
14	TC380	Phổ tu đá cầu	2			15	30		
15	TC316	Bóng rổ	3			15	60		
16	TC202	Phổ tu bóng chuyền	3			15	60		
17	TC203	Phổ tu bóng đá	3			15	60		
18	TC204	Phổ tu cầu lông	3			15	60		
19	TC217	Bơi lội	3			15	60		
20	TC224	Võ Cổ truyền	3			15	60		
21	TC225	Võ Vovinam	3		15	60			
		<b>Cộng</b>	<b>19 (20)</b>	<b>08</b>	<b>11 (12)</b>				
<b>Học kỳ 5</b>									
1	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	

2	SG186	Kiến tập sư phạm-TDĐT	2	2			60	SP079	
3	TC199	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao trường phổ thông	3	3			15	30	
4	TC110	Toán thống kê - TDĐT	2	2			30		
5	TC123	Sinh cơ học - TDĐT	2	2			30		
6	TC390	Điện kinh nâng cao 3	3		03		15	60	SV tự chọn
7	TC391	Bóng chuyền nâng cao 3	3				15	60	
8	TC392	Bóng đá nâng cao 3	3				15	60	
9	TC393	Cầu lông nâng cao 3	3				15	60	
10	TC368	Phổ tu bóng bàn	3		03		15	60	SV tự chọn
11	TC380	Phổ tu đá cầu	2				15	30	
12	TC316	Bóng rổ	3				15	60	
13	TC202	Phổ tu bóng chuyền	3				15	60	
14	TC203	Phổ tu bóng đá	3				15	60	
15	TC204	Phổ tu cầu lông	3				15	60	
16	TC217	Bơi lội	3				15	60	
17	TC224	Võ Cổ truyền	3				15	60	
18	TC225	Võ Vovinam	3			15	60		
		<b>Cộng</b>	<b>17</b>	<b>11</b>	<b>06</b>				
<b>Học kỳ 6</b>									
1	SG011	QL HCNN & QL GD&ĐT	2	2			30		
2	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			30		
3	TC122	Phương pháp nghiên cứu khoa học - TDĐT	2	2			15	30	
4	TC104	Sinh hóa - TDĐT	3	3			45		
5	TC111	Đo lường - TDĐT	2	2			30		
6	TC124	Y học TDĐT	2	2			30		
7	TC101	Tâm lý học thể dục thể thao	2	2			30		
8	TC381	Công tác Đoàn - Đội và Trò chơi vận động	2		02				SV tự chọn
9	TC221	Thể thao giải trí và Phương pháp tổ chức	2						
10	TC206	Điện kinh nâng cao 4	3		03		15	60	SV tự chọn
11	TC209	Bóng chuyền nâng cao 4	3				15	60	
12	TC212	Bóng đá nâng cao 4	3				15	60	
13	TC215	Cầu lông nâng cao 4	3				15	60	
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>13</b>	<b>05</b>				
<b>Học kỳ 7</b>									
1	TC130	Tập giảng thể dục thể thao	2	2			0	60	
2	TC128	Đánh giá môn học Giáo dục thể chất	2	2			30		
3	TC129	Thiết kế chương trình môn học GDTC	2	2			30		
4	TC219	Taekwondo	2	2			15	30	
5	TC207	Điện kinh nâng cao 5	3		03		15	60	SV tự chọn
6	TC210	Bóng chuyền nâng cao 5	3				15	60	
7	TC213	Bóng đá nâng cao 5	3				15	60	
8	TC114	Anh văn chuyên môn TDĐT	2		02		30		SV tự chọn
9	XH018	Pháp văn chuyên môn - KHXH	2				30		
10	TC368	Phổ tu bóng bàn	3		06		15	60	SV tự chọn
11	TC380	Phổ tu đá cầu	2				15	30	
12	TC316	Bóng rổ	3				15	60	

13	TC202	Phổ tu bóng chuyền	3			15	60		
14	TC203	Phổ tu bóng đá	3			15	60		
15	TC204	Phổ tu cầu lông	3			15	60		
16	TC217	Boi lội	3			15	60		
17	TC224	Võ Cô truyền	3			15	60		
18	TC225	Võ Vovinam	3			15	60		
		<b>Cộng</b>	<b>19</b>	<b>08</b>	<b>11</b>				
<b>Học kỳ 8</b>									
1	SP598	Thực tập sư phạm	3	3			90		
2	TC400	Luận văn tốt nghiệp - TDTT	10				300	≥ 105 TC	
3	TC399	Tiểu luận tốt nghiệp - TDTT	4				120	≥ 105 TC	
4	TC317	Quần vợt	3		10 (4)				<i>SV tự chọn làm LVTN, TLTN hoặc HP thay thế</i>
5	TC394	Cờ vua	2						
6	TC396	Bóng ném	2						
7	TC321	Karatedo	3						
8	TC218	Khiêu vũ Thể thao	2						
		<b>Cộng</b>	<b>13 (7)</b>	<b>3</b>	<b>10 (4)</b>				
		<b>Tổng</b>	<b>141</b>	<b>110</b>	<b>31</b>				

#### 4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng và bảo vệ biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng ngắn, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phòng chống địch tấn công bằng vũ khí công nghệ cao, rèn luyện bản lĩnh, sức khỏe qua các nội dung quân sự, luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị (cấp trung đội). Rèn luyện kỹ năng chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu trong tiến công, phòng ngự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm giới thiệu cho người học về lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Anh văn căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
6	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Anh văn căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Anh văn căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần Anh văn tăng cường 1 (trong chương trình Anh văn tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
9	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Anh văn tăng cường 2 (trong chương trình Anh văn tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	
10	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
11	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bảng mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản	Khoa Ngoại ngữ
12	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian,... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
13	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Pháp văn căn bản 3 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức về các tình huống giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, kể lại một câu chuyện quá khứ và nói về những dự định trong tương lai. Trong chương trình	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				này, sinh viên sẽ được làm quen với các bài đọc, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ và viết thư. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ và tương lai. Ngoài ra, chương trình môn Pháp văn căn bản 3 cũng hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ của người học ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
14	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Chương trình Pháp văn tăng cường 1 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng liên quan đến đời sống hằng ngày về giới thiệu gia đình, miêu tả người, nhà ở, diễn đạt sở thích và diễn đạt cảm xúc/cảm nhận của cá nhân. Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài đọc khoảng 200 từ, viết đoạn văn ngắn khoảng 80-100 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn đề thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
15	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Chương trình Pháp văn tăng cường 2 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế liên quan đến các tình huống trong đời sống hằng ngày về sức khỏe, công việc và thời gian rảnh... Trong chương trình này, sinh viên được làm quen với các bài đọc khoảng 250 từ, viết đoạn văn khoảng 100-140 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn đề thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
16	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Chương trình Pháp văn tăng cường 3 sẽ cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế liên quan đến các tình huống trong đời sống hằng ngày về phương tiện truyền thông, giao tiếp trên mạng xã hội, du lịch khám phá và về những kỉ niệm... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoá khoảng 300 từ, viết đoạn văn khoảng 140-180 từ. Đặc biệt, ở cuối mỗi đơn vị bài học, sẽ có phần bài tập dành cho sinh viên ôn luyện, thúc đẩy tự học, hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn đề thi Delf B1. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
17	TN033	Tin học	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý	Khoa Khoa

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		căn bản (*)		thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	học Tự nhiên
18	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác - Lênin bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác - Lênin và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Khoa Khoa học Chính trị
20	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm; Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	Khoa Khoa học Chính trị
21	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
22	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Khoa Khoa học Chính trị

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
23	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính trị
24	KL001	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ ngôn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	Khoa luật
25	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện.	Khoa Khoa học Chính trị
26	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: gián yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung Chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4 rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
27	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản - Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
28	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
29	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thể mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
30	SG011	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo, giúp người học Nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong nhà trường và trong hoạt động giáo dục. Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nhà nước, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục, từ đó giúp người học ý thức được những chức trách, nhiệm vụ của mình trong quá trình xây dựng nền hành chính tối ưu góp phần nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục. Môn học chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên.	Khoa Sư phạm
31	SP009	Tâm lý học đại cương	2	Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức về tâm lý học đại cương: Đối tượng, nhiệm vụ nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Những cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người; Bản chất hiện tượng tâm lý con người; Những cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển của tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; Tình cảm; Ý chí, Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách. Học phần này làm nền tảng cho sinh viên tiếp tục nghiên cứu các học phần cơ sở khác có liên quan như: Tâm lý học sư phạm, tâm lý học tội phạm, tâm lý học xã hội	Khoa Sư phạm
32	SP079	Giáo dục học	3	Nội dung học phần bao gồm hệ thống kiến thức về chung về giáo dục con người được thể hiện cụ thể qua các nội dung như: Giáo dục học là một khoa học, giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ, các con đường và nguyên lý giáo dục; hệ thống kiến thức chung về dạy học như: Quá trình dạy học, quy luật và nguyên tắc dạy học, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học; hệ thống kiến thức chung về giáo dục hạnh kiểm cho học sinh như: Quá trình giáo dục, nguyên tắc giáo dục, nội dung và phương pháp giáo dục.	Khoa Sư phạm
33	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	Nội dung môn học trang bị cho người học tri thức cơ bản về các lý thuyết phát triển tâm lý học sinh, cơ sở tâm lý trong dạy học và giáo dục và những đặc trưng lao động sư phạm, cấu trúc nhân cách của người giáo viên nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở ngành sư phạm nhằm chuẩn bị cho sinh viên tham gia vào quá trình kiến tập và thực tập	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				<p>su phạm và làm cơ sở cho việc rèn luyện nhân cách người giáo viên các kĩ năng sư phạm trong các học kì tiếp theo.</p>	
34	TC101	Tâm lý học thể dục thể thao	2	<p>Tâm lý học TĐTT là một môn học bắt buộc dành cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng thuộc chuyên ngành Giáo dục Thể chất - Huấn luyện Thể dục Thể thao. Tâm lý học TĐTT là một lĩnh vực chuyên ngành của khoa học tâm lý nhằm trang bị cho sinh viên một hệ thống kiến thức về đặc điểm tâm lý của bài tập thể chất và đặc điểm tâm lý của hoạt động và thi đấu TĐTT. Qua đó hình thành cho họ kỹ năng vận dụng các kiến thức tâm lý học TĐTT vào thực tiễn tập luyện, giảng dạy để nâng cao thành tích chuyên môn. Đồng thời góp phần hình thành thế giới quan duy vật biện chứng, nhân sinh quan khoa học trong công tác sau này</p>	BM. Giáo dục thể chất
35	TC107	Giải phẫu người	3	<p>Phân mở đầu. Đại cương về giải phẫu.  - Phần 1. Hệ vận động: Đại cương về xương và liên kết giữa các xương – Xương và khớp chi trên - Xương và khớp chi dưới - Xương và khớp thân mình, đầu, mặt – cơ – Phân tích động tác trên cơ sở giải phẫu học. Ảnh hưởng của luyện tập thể dục thể thao đối với hình dạng, cấu tạo xương; Khớp và hệ cơ.  - Phần 2. Hệ các cơ quan nội tạng: Hệ tiêu hoá – Hệ hô hấp – Hệ tiết niệu – Hệ sinh dục – Hệ tim mạch – Hệ bạch huyết – Hệ nội tiết - Ảnh hưởng của luyện tập thể dục thể thao đối với hệ tiêu hoá; hệ hô hấp và hình thái cấu tạo và chức năng tim mạch.  - Phần 3. Hệ thần kinh: Đại cương về hệ thần kinh – Hệ thần kinh trung ương – Hệ thần kinh ngoại biên – Hệ thần kinh thực vật - Ảnh hưởng của luyện tập thể dục thể thao đối với hệ thần kinh.</p>	BM. Giáo dục thể chất
36	TC199	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao trường phổ thông	3	<p>Những kiến thức chung nhất về lý luận và phương pháp thể dục thể thao, bản chất của thể dục thể thao như một hiện tượng xã hội. Mục đích của nền thể dục thể thao nước ta, những nhiệm vụ và nguyên tắc chung nhất của thể dục thể thao.  Những kiến thức sư phạm thể dục thể thao như các phương pháp, phương tiện, các nguyên tắc sư phạm của lý luận và phương pháp giáo dục thể chất, giảng dạy động tác, giáo dục các tố chất thể lực, giờ học thể dục thể thao là hình thức cơ bản của giáo dục thể chất trong trường phổ thông..  Nội dung môn học được tổ chức giảng dạy chủ yếu theo hình thức bài giảng. Hình thức thảo luận nhóm, bài tập lớn được áp dụng để củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng. Thực tập sư phạm trong và ngoài trường theo kế hoạch học tập sẽ nâng cao một bước chất lượng rèn luyện kỹ năng sư phạm và kỹ năng công tác nói chung.</p>	BM. Giáo dục thể chất
37	TC116	Vệ sinh học đường	2	<p>Nội dung chính của môn học bao gồm các vấn đề sau:  - Những kiến thức chung nhất về vệ sinh học, bản chất của vệ sinh học, đối tượng nghiên cứu của vệ sinh học là ai? và nhiệm vụ của vệ sinh học là gì?...  - Những kiến thức khoa học thường thức về vệ sinh cá nhân như: vệ sinh da, vệ sinh trang phục, vệ sinh răng miệng, vệ sinh tai mũi họng, vệ sinh mắt, vệ sinh giấc ngủ, một số điểm vệ sinh đối với nữ giới.  - Những kiến thức khoa học về dinh dưỡng như: Vai trò, nhu</p>	BM. Giáo dục thể chất

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				<p>cầu của các chất dinh dưỡng, khẩu phần, nhu cầu năng lượng, áp dụng thực hành các tiêu chuẩn dinh dưỡng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những kiến thức khoa học về vệ sinh môi trường như: vệ sinh môi trường không khí, vệ sinh môi trường đất, vệ sinh môi trường nước.</li> <li>- Những kiến thức khoa học về vệ sinh trường học như: Vệ sinh cơ sở học tập và trang bị nhà trường phổ thông, phòng chống một số bệnh học đường (bệnh cong vẹo cột sống, bệnh cận thị,...)</li> <li>- Những kiến thức khoa học về vệ sinh TDTT như: Một số nguyên tắc cơ bản, một số nguyên tắc chung trong tập luyện và thi đấu TDTT, nguyên tắc vệ sinh trong tập luyện và thi đấu một số môn TDTT,...</li> </ul>	
38	TC122	Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT	2	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT là một môn học bắt buộc dành cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng thuộc chuyên ngành Giáo dục Thể chất - Huấn luyện Thể dục Thể thao nhằm trang bị cho sinh viên một hệ thống kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT; bước đầu biết tiến hành nghiên cứu một đề tài khoa học dưới sự hướng dẫn của giáo viên; biết vận dụng một vài phương pháp nghiên cứu thường dùng để thu thập và xử lý thông tin; có khả năng viết và trình bày một bản luận văn khoa học đơn giản theo đúng trình tự qui định. Qua đó hình thành cho họ kỹ năng vận dụng các kiến thức khoa học TDTT vào thực tiễn tập luyện, giảng dạy để nâng cao thành tích chuyên môn. Đồng thời góp phần hình thành thế giới quan duy vật biện chứng, nhân sinh quan khoa học trong công tác sau này.</p>	BM. Giáo dục thể chất
39	TC125	Lịch sử thể dục thể thao	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự phát triển TDTT ở thời kỳ Cổ đại và thời kỳ Trung thế kỷ, TDTT thời kỳ Phục Hưng, TDTT thời kỳ chủ nghĩa tư bản trước và sau hai cuộc Đại chiến thế giới I và II</li> <li>- Phong trào Olympic hiện đại, tổ chức và hoạt động ủy ban Olympic quốc tế và các liên đoàn thể thao quốc tế, các tổ chức TDTT châu lục, khu vực ...</li> <li>- Sự phát triển TDTT ở nước ta trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945.</li> <li>- Sự phát triển TDTT ở nước ta trong thời kỳ đấu tranh thống nhất đất nước và xây dựng CNXH (1955 - 1975)</li> <li>- Sự phát triển TDTT ở nước ta sau khi thống nhất đất nước, thời kỳ đổi mới và phát triển đất nước đến nay.</li> <li>- Ủy ban Olympic Việt Nam. Các Liên đoàn và tổ chức xã hội về thể thao.</li> </ul>	BM. Giáo dục thể chất
40	TC126	Sinh lý học - TDTT 1	3	<p>Nội dung chính được giảng dạy cho người học: Sinh lý hệ máu (chức năng của máu, chức năng của hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu), sinh lý hệ tuần hoàn (sự hoạt động của tim và sự vận hành máu trong hệ mạch kín), sinh lý hệ hô hấp (các quá trình trao đổi khí giữa không khí bên ngoài với phổi và quá trình trao đổi khí giữa máu và tế bào, sinh lý hệ tiêu hóa (quá trình cung cấp các chất dinh dưỡng cho cơ thể tồn tại và phát triển), sinh lý chuyển hóa các chất (quá trình đốt cháy các chất đường, đạm, mỡ cung cấp năng lượng cho cơ thể vận động), sinh lý bài tiết (quá trình đào thải các chất cặn bã ra khỏi cơ thể), sinh lý nội tiết (sự ảnh hưởng của các hocmon</p>	BM. Giáo dục thể chất



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				đến sự vận hành của cơ thể), sinh lý thần kinh cơ và sinh lý hệ cảm giác (sự vận hành co duỗi của cơ bắp và vai trò của cảm giác trong sự co duỗi cơ bắp), sinh lý hệ thần kinh trung ương và sinh lý các phần khác nhau của hệ thần kinh (quá trình hình thành các phản xạ có điều kiện, quy luật hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động). Đặc điểm sinh lý bài tập thể thao có chu kỳ, có kỳ biến đổi, hoạt động không có chu kỳ thay đổi, đặc điểm sinh lý của hoạt động tĩnh lực, đặc điểm sinh lý hoạt động tĩnh. Đặc điểm các trạng thái sinh lý của cơ thể xuất hiện trong hoạt động thể dục thể thao	
41	TC128	Đánh giá môn học Giáo dục thể chất	2	Học phần gồm có 4 chương, Chương một nói về khái niệm, vị trí, mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của đánh giá môn học. Chương 2 cấu trúc giờ học giáo dục thể chất ở trường phổ thông. Chương 3, nói về ý nghĩa và nội dung, các loại hình đánh giá giờ học giáo dục thể chất, trình tự đánh giá, phương thức đánh giá. Chương 4, nói về phương pháp đánh giá lượng vận động của giờ học giáo dục thể chất, Theo dõi mạch đập trong giờ giáo dục thể chất, Phương hướng nâng cao mật độ bài học thể dục.	BM. Giáo dục thể chất
42	TC129	Thiết kế chương trình môn học GDTC	2	- Giới thiệu tổng quan về khoa học giáo dục, tổng quan về chương trình đào tạo, chương trình khung, các cách tiếp cận mô hình đào tạo theo phát triển năng lực (VLOS) và mô hình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp (CDIO). - Quy trình phát triển chương trình đào tạo, các cách tiếp cận trong việc xây dựng chương trình giáo dục/đào tạo, giới thiệu sự phát triển quan niệm về chương trình giáo dục/đào tạo các nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, định hướng xây dựng và phát triển chương trình giáo dục ở Việt Nam. - Thiết kế chương trình giáo dục thể chất ở các bậc học, xác định mục tiêu, cấu trúc, nội dung, thực hiện chương trình... Kỹ thuật thiết kế chương trình tích hợp và liên thông, quy trình và cách thức xây dựng đề cương chi tiết môn học và thiết kế tiến trình đào tạo. - Các hình thức kiểm định chương trình, đánh giá trong, đánh giá ngoài. Một số tiêu chuẩn kiểm định chất lượng ISO, AUN ... Mô hình tổ chức QA (phân tuyến chức năng, can thiệp ma trận).	BM. Giáo dục thể chất
43	TC130	Tập giảng thể dục thể thao	2	Nội dung chính được giảng dạy cho người học là phương pháp biên soạn giáo án, phương pháp tổ chức người học, phương pháp thị phạm kỹ thuật động tác, phương pháp đứng lớp giờ học giáo dục thể chất, phương pháp truyền đạt dẫn dắt người học, phương pháp bảo hiểm giúp đỡ người học.	
44	SP597	Kiến tập sự phạm	2	Kiến tập sự phạm là giai đoạn sinh viên tiếp cận với môi trường giáo dục ở trường phổ thông, mà cụ thể là quan sát, tìm hiểu các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục học sinh cũng như các hoạt động xã hội của nhà trường. Sinh viên được nghe các báo cáo tình hình, cơ cấu tổ chức và hoạt động ở trường phổ thông; kinh nghiệm công tác giảng dạy và chủ nhiệm của một số giáo viên tiêu biểu. Ngoài ra, sinh viên còn được dự giờ giáo viên hướng dẫn chuyên môn và chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phong trào thi đua lớp, tổ chức sinh hoạt đoàn đội, từ đó, bước đầu hình thành tình cảm và ý thức nghề nghiệp cho sinh viên, tích lũy kinh	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				nghiệm chuẩn bị cho giai đoạn thực tập sư phạm. Thời điểm kiến tập sư phạm là học kỳ I năm thứ ba. Hình thức kiến tập sư phạm là tập trung trong 4 tuần liên tục.	
45	SP598	Thực tập sư phạm	3	Thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên thực hành những kiến thức về các môn khoa học chuyên ngành, kiến thức về khoa học giáo dục đã được học ở trường đại học. Học phần thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên được rèn luyện, thử thách về nhiều mặt: khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tế, năng lực sáng tạo, năng lực tổ chức, quản lý học sinh. Học phần này giúp sinh viên có cơ hội để tham gia vào các hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông, qua đó tiếp tục tăng cường tình cảm và ý thức nghề nghiệp. Thời điểm Thực tập sư phạm là học kỳ 8 năm thứ tư, bắt đầu vào khoảng tháng 01 hàng năm (đầu HK II) và kéo dài 9 tuần liên tục. Hình thức sinh viên đi Thực tập sư phạm là tập trung. Sinh viên được xem là thành viên của trường phổ thông, sẽ chịu sự quản lý, phân công của trường thực tập.	Khoa Sư phạm
46	TC223	Văn hóa học TĐTT	2	Học phần văn hóa học TĐTT giảng dạy cho sinh viên ngành GDTC trình độ đại học cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về văn hóa học, những giá trị văn hóa tốt đẹp của nền TĐTT, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Học phần văn hóa học TĐTT gồm 02 phần nội dung chính: lý luận văn hóa học và nhập môn văn hóa học TĐTT; ứng dụng văn hóa học TĐTT.	BM. Giáo dục thể chất
47	TC220	Quản lý học thể dục thể thao và Olympic	2	Học phần được thiết kế gồm 5 chương nhằm giúp người học nắm vững những kỹ năng và phương pháp quản lý Thể dục thể thao hiện đại, đồng thời có khả năng vận dụng những trí thức này vào thực tế tổ chức, quản lý phong trào TĐTT, có năng lực đảm đương công tác quản lý các hoạt động TĐTT quần chúng, thể thao trường học.	BM. Giáo dục thể chất
48	TC222	Ứng dụng công nghệ thông tin trong Thể dục thể thao	2	Học phần này được thiết kế và giảng dạy nhằm trang bị cho người học những hiểu biết và kỹ năng cơ bản, hệ thống về công nghệ thông tin (chủ yếu là chương trình Microsoft Powerpoint, Microsoft Word và 1 số phần mềm hỗ trợ khác) trong dạy học môn học thể dục. Thông qua các hoạt động thực hành trên lớp và ngoài giờ lên lớp, người học được định hướng phát triển năng lực sử dụng công nghệ thông tin một cách có hiệu quả và phù hợp với đặc trưng yêu cầu dạy học môn thể dục cho học sinh phổ thông.	BM. Giáo dục thể chất
49	TC104	Sinh hóa - TĐTT	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh hóa thể dục thể thao cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học, quá trình chuyển hóa của chất và năng lượng trong cơ thể sống, cũng như mối tương quan giữa quá trình chuyển hóa và chức năng trong cơ thể.</li> <li>- Xúc tác sinh học, vai trò của xúc tác sinh học đối với quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể và đặc điểm vai trò của enzym, vitamin, hormone.</li> <li>- Đặc điểm, vai trò sinh học, phân loại và chuyển hóa glucit, lipit, protein trong cơ thể.</li> <li>- Tái tổng hợp ATP trong hoạt động cơ với cường độ và thời gian khác nhau.</li> <li>- Các quy luật sinh hóa của quá trình giáo dục thể chất</li> <li>- Cơ sở sinh hóa của sự phát triển các tổ chức thể lực</li> </ul>	BM. Giáo dục thể chất

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				- sức mạnh tốc độ và sức bền	
50	TC110	Toán thống kê - TDTT	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê và vai trò của nó trong Thể dục Thể thao, thống kê mô tả, thống kê phân tích.</li> <li>- Cách sắp xếp và trình bày số liệu trong nghiên cứu khoa học TDTT, tổ chức quản lý, giảng dạy, huấn luyện, thi đấu... một cách rõ ràng, ngắn gọn và có hệ thống.</li> <li>- Các đặc trưng về định vị, độ tán mạn, tính không cân đối của phân bố thực nghiệm và những tham số có ý nghĩa thực tiễn.</li> <li>- Ước lượng số trung bình cho tổng thể từ tập hợp mẫu, ảnh hưởng của mẫu.</li> <li>- Phương pháp so sánh hai số trung bình quan sát, phương pháp so sánh một số trung bình quan sát với một số trung bình lý thuyết, phương pháp số liệu từng cặp.</li> <li>- Nghiên cứu các mối phụ thuộc xác suất giữa các đại lượng ngẫu nhiên, mối liên quan giữa các dấu hiệu với nhau.</li> </ul>	BM. Giáo dục thể chất
51	TC111	Đo lường - TDTT	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khái niệm về đo lường, đơn vị đo, thang độ đo, sai số của phép đo, đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của đo lường thể thao.</li> <li>- Cách xây dựng phép đo, phương pháp đo, phương tiện đo trong khoa học thể dục thể thao.</li> <li>- Khái niệm về test vận động, phương pháp đánh giá độ tin cậy của test, tính thông báo test, sự ổn định của test, sự phù hợp của test.</li> <li>- Các khái niệm về lý thuyết đánh giá, thang đánh giá, tiêu chuẩn, chỉ tiêu.</li> <li>- Về dự báo năng khiếu thể thao, một số yêu cầu cần chú ý trong tuyển chọn tài năng thể thao.</li> <li>- Các kỹ thuật lập một số test kiểm tra đánh giá thể lực chung, phương pháp nhân trắc học</li> </ul>	BM. Giáo dục thể chất
52	TC114	Anh văn chuyên môn TDTT	2	Học phần “Tiếng Anh chuyên môn TDTT” được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên học chuyên ngành TDTT những từ vựng tiếng Anh và kiến thức thuộc chuyên ngành này thông qua các bài đọc tiếng Anh về cách rèn luyện thể chất, các môn thể thao phổ biến và các sự kiện thể thao quan trọng. Học phần gồm có 06 bài học, mỗi bài gồm có 3 phần chính là “Bài đọc”, “Từ vựng” và “Bài luyện dịch”. Ngoài ra, một số bài học còn có các bài kiểm tra ngắn về kiến thức thể thao của SV.	BM. Giáo dục thể chất
53	XH018	Pháp văn chuyên môn - KHXH	2	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong lĩnh vực khoa học xã hội, như giới thiệu bản thân (tên tuổi, nghề nghiệp, đào tạo,...), giới thiệu về các hoạt động kinh tế-xã hội, trình bày các dự án trong lĩnh vực khoa học xã hội, trao đổi thư từ chuyên môn... trong đó chú trọng đến từ vựng chuyên ngành xã hội. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
54	TC123	Sinh cơ học - TDTT	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>hư thế nào và vì sao lại vận nặng ãnực.</li> <li>- Sinh cơ học chuyên ngành nghiên cứu các ãnực ãnực cá biệt và ãnực ãnực nhóm của khả năng vận nặng và của hoạt ãnực vận nặng.</li> <li>- Sinh cơ học các môn thể thao xem xét các vấn ãnực cụ thể của quá trình huấn luyện kỹ thuật và chiến thuật trong từng môn thể thao và trong các hình thức thể dục quần chúng</li> </ul>	BM. Giáo dục thể chất

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				<p>khác nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phục vụ cho công tác giảng dạy và huấn luyện kỹ năng vận động cho người tập các môn thể thao khác nhau.</li> <li>- Cơ sở lý thuyết lực học thực dụng thể thao giải thích các qui luật chuyên môn của cơ thể người tập khi thực hiện các kỹ thuật thể thao.</li> <li>- Nghiên cứu sinh cơ học bộ máy vận động cơ, xương cơ bản của cơ thể con người trong quá trình tham gia vận động các môn thể thao.</li> <li>- Giúp người học tiếp cận phương pháp nghiên cứu sinh cơ học thể dục thể thao, phân tích lực học của các động tác kỹ thuật, các nguyên lý học khi hoàn thành động tác thể thao.</li> </ul>	
55	TC124	Y học - TDTT	2	<p>Nhập môn và các Khái niệm liên quan Y học TDTT.  Nội dung kiểm tra Y học TDTT.  Kiểm tra Y-học sơ phạm và tự kiểm tra y học.  Dinh dưỡng-Vitamin-dược phẩm; bệnh học và chấn thương thể thao.  Xoa bóp thể thao.  Y học hồi phục TDTT.  Tài liệu nghiên cứu liên quan y học TDTT.</p>	BM. Giáo dục thể chất
56	TC370	Phổ tu thể dục	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhập môn phổ tu thể dục, sinh hoạt các vấn đề cần thiết khi học môn phổ tu thể dục, sinh hoạt về quy chế học tập cho sinh viên, các yêu cầu về trang phục, cách tổ chức lớp học và các nghi thức giao tiếp trong buổi học..</li> <li>- Giảng dạy về nguồn gốc lịch sử thể dục.</li> <li>- Thể dục trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao.</li> <li>- Thể dục trang bị sức khỏe cho mọi đối tượng tập luyện.</li> <li>- Phòng ngừa chấn thương và bảo hiểm giúp đỡ trong tập luyện thể dục.</li> <li>- Đặc điểm các nguyên tắc và phương pháp thể dục.</li> <li>- Giảng dạy bài thể dục phát triển chung.</li> <li>- Giảng dạy bài thể dục nhịp điệu 16 động tác với nhạc tự chọn.</li> <li>- Giảng dạy đội hình đội ngũ.</li> <li>- Giảng dạy bài thể dục đồng diễn.</li> <li>- Giảng dạy bài thể dục nhào lộn tự do cho nam và nữ.</li> </ul>	BM. Giáo dục thể chất
57	TC219	Taekwondo	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhập môn Taekwondo, sinh hoạt các vấn đề cần thiết khi học môn Taekwondo, sinh hoạt về quy chế học tập cho sinh viên, các yêu cầu về trang phục, cách tổ chức lớp học và các nghi thức giao tiếp trong buổi học..</li> <li>- Giảng dạy về nguồn gốc lịch sử môn Taekwondo.</li> <li>- Các nguyên lý kỹ thuật Taekwondo.</li> <li>- Thuật ngữ Taekwondo.</li> <li>- Luật thi đấu quyền và thi đấu đối kháng</li> <li>- Các kỹ thuật cơ bản và nâng cao của Taekwondo.</li> <li>- 8 bài quyền trong hệ thống quyền Taekwondo thế giới.</li> </ul>	BM. Giáo dục thể chất
58	TC201	Phổ tu điền kinh	3	<p>Học phần lý thuyết: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử môn học, vị trí tác dụng của môn học điền kinh trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý kỹ thuật các môn điền kinh cơ bản, đồng thời biết cách biên soạn tài liệu môn học, tổ chức huấn luyện giảng dạy môn học, cách thức tổ chức trọng tài thi đấu.</p> <p>Các học phần thực hành: Trang bị cho sinh viên những kỹ</p>	BM. Giáo dục thể chất

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				thuật cơ bản của một số môn học (Kỹ thuật môn chạy cự ly trung bình và dài; Kỹ thuật ném bóng, ném lựu đạn; Kỹ thuật chạy cự ly ngắn; Kỹ thuật nhảy xa kiểu ưỡn thân; Kỹ thuật nhảy cao úp bụng; Kỹ thuật đẩy tạ Lung hướng ném), chiến thuật, các bài tập phát triển thể lực, phương pháp trọng tài và thi đấu; các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập; các phương pháp tổ chức giảng dạy - huấn luyện môn điền kinh	
59	TC381	Công tác Đoàn - Đội và Trò chơi vận động	2	Chương trình Công tác đoàn đội - Trò chơi vận động nhằm trang bị cho người học: phát huy hết tính tích cực trong quá trình học tập của người học, giúp người học phát triển tư duy và chuyên môn một cách phù hợp với trình độ học tập. Qua quá trình học môn Công tác đoàn đội - Trò chơi vận động giúp cho người học củng cố và phát triển những tố chất cần thiết riêng biệt tùy vào mục đích của người hướng dẫn vui chơi, góp phần hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo cần thiết cho cuộc sống	BM. Giáo dục thể chất
60	TC221	Thể thao giải trí và Phương pháp tổ chức	2	trang bị cho người học nắm vững kiến thức về cơ sở lý luận hình thành TDTT giải trí, mục đích của vui chơi thư giãn của các môn thể thao giải trí. Phát triển loại hình cơ sở thể thao giải trí, câu lạc bộ thể thao trường học, cơ sở TDTT phúc lợi, cơ sở kinh doanh TDTT giải trí - sức khỏe và các chức năng để quản lý cơ sở TDTT giải trí... Trang bị kiến thức về cách thức tiến hành, dụng cụ sân bãi, kỹ thuật chơi, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.	BM. Giáo dục thể chất
61	TC368	Phô tu bóng bàn	3	Học phần lý thuyết: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử môn học, vị trí tác dụng của môn học Bóng bàn trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý chung về đánh bóng trong môn Bóng bàn, đồng thời biết cách biên soạn tài liệu môn học, phương pháp giảng dạy môn học, phương pháp huấn luyện, cách thức tổ chức giải bóng bàn, phương pháp trọng tài và luật thi đấu. Các học phần thực hành: Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn học, các kỹ thuật nâng cao, chiến thuật, các bài tập phát triển thể lực, phương pháp trọng tài và thi đấu; các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập; các phương pháp tổ chức giảng dạy - huấn luyện môn bóng bàn.	BM. Giáo dục thể chất
62	TC380	Phô tu đá cầu	2	Lịch sử phát triển môn đá cầu, luật thi đấu môn đá cầu, kỹ thuật di chuyển trong đá cầu, các kỹ thuật đá cầu, chiến thuật đá cầu đơn, đá cầu đôi, đá cầu đồng đội (3 người) trong thi đấu môn đá cầu	BM. Giáo dục thể chất
63	TC316	Bóng rổ	3	Giới thiệu nguồn gốc và sự phát triển môn bóng rổ trên thế giới và ở Việt Nam, tính chất và tác dụng của nó đến người học. Phân tích các nguyên lý về kỹ thuật bắt bóng, dẫn bóng, chuyền bóng, ném rổ đi chuyển các bước lên rổ và nguyên lý về chiến thuật tấn công, chiến thuật phòng thủ. Phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức giải đấu, phương pháp trọng tài, cách tình điểm. Những điều luật quy định về môn bóng rổ: kích thước sân bãi, vòng rổ, bảng rổ, bóng, ghi điểm, luật 03 giây, 05 giây, 08 giây, 24 giây... lỗi tấn công, lỗi phòng thủ, lỗi cá nhân, lỗi đồng	BM. Giáo dục thể chất

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				đội... các bài tập hoàn thiện kỹ thuật hình thành các kỹ năng, kỹ xảo.	
64	TC202	Phổ tu bóng chuyền	3	Giới thiệu nguồn gốc và sự phát triển môn bóng chuyền trên thế giới và ở Việt Nam, tính chất và tác dụng của nó đến người học. Phân tích các nguyên lý về kỹ thuật chuyên bóng cao tay, chuyên bóng thấp tay, phát bóng, đập bóng, chắn bóng và nguyên lý về chiến thuật tấn công, chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu. Phương pháp giảng dạy – huấn luyện, phương pháp tổ chức giải đấu, phương pháp trọng tài, cách tính điểm. Những điều luật quy định về môn bóng chuyền: kích thước sân bãi, lưới, bóng, ghi điểm, libero, thay người, hỏi ý ... lỗi chạm lưới, lỗi sang sân đối phương, lỗi phát bóng, lỗi sai vị trí... các bài tập hoàn thiện kỹ thuật, thể lực hình thành các kỹ năng, kỹ xảo.	BM. Giáo dục thể chất
65	TC203	Phổ tu bóng đá	3	Nội dung học phần gồm các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá như: Luật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài, kỹ thuật tâng bóng, kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân, kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân, kỹ thuật giữ bóng, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật tranh cướp bóng, kỹ thuật đánh đầu, kỹ thuật ném biên, kỹ thuật thủ môn.	BM. Giáo dục thể chất
66	TC204	Phổ tu cầu lông	3	Lịch sử phát triển môn đá cầu, luật thi đấu môn đá cầu, kỹ thuật di chuyển trong đá cầu, các kỹ thuật đá cầu, chiến thuật đá cầu đơn, đá cầu đôi, đá cầu đồng đội (3 người) trong thi đấu môn đá cầu.	BM. Giáo dục thể chất
67	TC217	Bơi lội	3	Chương trình BCNC 2 nhằm trang bị cho người học: phát huy hết tính tích cực trong quá trình học tập của người học, giúp người học phát triển thể lực chung và chuyên môn một cách phù hợp với trình độ tập luyện. Qua quá trình học bơi giúp cho người tập có chức năng hệ thống tuần hoàn và hệ hô hấp được cải thiện, mà còn có thể làm cho sức mạnh, sức bền, sức dẻo, tính nhịp điệu cơ thể được phát triển. Tập luyện bơi lội giúp các em phát triển ý chí, lòng dũng cảm, tinh thần vượt khó khăn, tính nhòng nội, ý thức tổ chức kỷ luật và phẩm chất tâm lý khác. Tự giải thoát mình trong trường hợp rơi xuống nước.	BM. Giáo dục thể chất
68	TC224	Võ Cổ truyền	3	- Nhập môn võ cổ truyền, sinh hoạt các vấn đề cần thiết khi học môn võ cổ truyền, sinh hoạt về quy chế học tập cho sinh viên, các yêu cầu về trang phục, cách tổ chức lớp học và các nghi thức giao tiếp trong buổi học.. - Giảng dạy về nguồn gốc lịch sử môn Võ cổ truyền. - Các nguyên lý kỹ thuật Võ cổ truyền. - Thuật ngữ Võ cổ truyền. - Luật thi đấu quyền và thi đấu đối kháng - Các kỹ thuật cơ bản và nâng cao của Võ cổ truyền. - 6 bài quyền trong hệ thống quyền Võ cổ truyền Việt Nam.	BM. Giáo dục thể chất
69	TC225	Võ Vovinam	3	Học phần võ Vovinam sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận môn học; hệ thống luật lệ thi đấu, các phương pháp rèn luyện và chương trình huấn luyện cá nhân. Sinh viên cũng sẽ được học các kỹ thuật căn bản của Vovinam như đâm, đá, gạt, trỏ, các tư thế tấn. Cao hơn nữa có thể là các đòn chân, thế chiến lược và các bài quyền của	BM. Giáo dục thể chất

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				Vovinam: Nhập môn quyền, Thập tự quyền, Long hổ quyền... và một số các kĩ thuật, chiến thuật đối kháng, các đòn chân phức tạp hơn và được giao lưu đối kháng thông dụng, phù hợp.	
70	TC205	Điền kinh nâng cao 1	3	Nội dung học phần bao gồm 3 môn nhỏ trong bộ môn điền kinh đó là môn chạy cự ly trung bình, nhảy cao năm nghiêng, ném bóng và ném lựu đạn thể thao	BM. Giáo dục thể chất
71	TC386	Điền kinh nâng cao 2	3	Nội dung học phần bao gồm 3 môn nhỏ trong bộ môn điền kinh đó là môn chạy cự ly ngắn, kỹ thuật chạy tiếp sức, kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi và kỹ thuật đẩy tạ vai hướng đẩy	BM. Giáo dục thể chất
72	TC390	Điền kinh nâng cao 3	3	Nội dung học phần bao gồm 4 môn nhỏ trong bộ môn điền kinh đó là môn chạy vượt rào, kỹ thuật nhảy xa kiểu uốn thân, kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng, kỹ thuật ném lao.	BM. Giáo dục thể chất
73	TC206	Điền kinh nâng cao 4	3	Học phần lý thuyết: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử môn học, vị trí tác dụng, nguyên lý kỹ thuật của môn nhảy ba bước, môn nhảy cao kiểu lưng qua xà, môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném trong hệ thống giáo dục thể chất, đồng thời biết cách biên soạn tài liệu môn học, tổ chức huấn luyện giảng dạy môn nhảy ba bước, môn nhảy cao kiểu lưng qua xà, môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném, cách thức tổ chức trọng tài thi đấu. Các học phần thực hành: Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản và nâng cao của môn nhảy ba bước, môn nhảy cao kiểu lưng qua xà, môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném, các kỹ thuật, chiến thuật, các bài tập phát triển thể lực, phương pháp trọng tài và thi đấu; các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập; các phương pháp tổ chức giảng dạy - huấn luyện môn nhảy ba bước, môn nhảy cao kiểu lưng qua xà, môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném.	BM. Giáo dục thể chất
74	TC207	Điền kinh nâng cao 5	3	Học phần lý thuyết: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử môn học, vị trí tác dụng, nguyên lý kỹ thuật của môn ném đĩa trong hệ thống giáo dục thể chất, đồng thời biết cách biên soạn tài liệu môn học, tổ chức huấn luyện giảng dạy môn ném đĩa, cách thức tổ chức trọng tài thi đấu. Các học phần thực hành: Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản và nâng cao môn ném đĩa, các kỹ thuật, chiến thuật, các bài tập phát triển thể lực, phương pháp trọng tài và thi đấu; các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập; các phương pháp tổ chức giảng dạy - huấn luyện môn ném đĩa.	BM. Giáo dục thể chất
75	TC208	Bóng chuyền nâng cao 1	3	Chương trình TC208 nhằm trang bị cho người học: khả năng nhận biết và trình bày được nguyên lý kỹ thuật cơ bản như chuyền bóng, phát bóng, đập bóng, chắn bóng đồng thời khái quát hóa được về luật thi đấu môn bóng chuyền cũng như giải thích được cách vận dụng luật. Bên cạnh đó, thực hiện thao tác thuần thục các kỹ thuật cơ sở và cơ bản như chuyền bóng thấp tay, chuyền bóng cao tay, phát bóng, đập bóng, chắn bóng nhất là các hình thức di chuyển trong môn bóng chuyền. Ngoài ra, để tạo nền tảng cho việc thực hiện các kỹ thuật động tác người học còn được chú trọng phát triển thể lực chung và chuyên môn một cách phù hợp với trình độ tập luyện. Thông qua rèn luyện các kỹ năng, kỹ xảo và thể	BM. Giáo dục thể chất

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				lực hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, vượt khó, có lòng yêu thương giúp đỡ và hợp tác với nhau.	
76	TC387	Bóng chuyên nâng cao 2	3	Chương trình TC387 nhằm trang bị cho người học: khả năng mô tả, so sánh và phân loại những chiến thuật của môn bóng chuyên đồng thời biết thiết kế, đánh giá và tổ chức phối hợp các loại hình chiến thuật. Bên cạnh đó, biết tầm nhìn, phân biệt những xu thế phát triển của bóng chuyên hiện tại và nắm vững của những cao thủ bóng chuyên Việt Nam. Ngoài ra, để tạo nền tảng cho việc thực hiện các kỹ thuật đồng tác người học còn được chú trọng phát triển thể lực chung và chuyên môn một cách phù hợp với trình độ tập luyện. Thông qua rèn luyện các kỹ năng, kỹ xảo và thể lực hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, vượt khó, có lòng đam mê môn bóng chuyên nói riêng và thể thao nói chung.	BM. Giáo dục thể chất
77	TC391	Bóng chuyên nâng cao 3	3	Chương trình TC391 nhằm trang bị cho người học: khả năng đánh giá, thể hiện và hoàn thiện được kỹ thuật tấn công và phòng thủ của môn bóng chuyên đồng thời biết thiết kế, đánh giá và tổ chức phối hợp các loại hình chiến thuật. Bên cạnh đó, biết tính toán, sắp xếp các giai đoạn phát triển được các tố chất thể lực của bóng chuyên. Ngoài ra, để tạo nền tảng cho việc thực hiện các kỹ thuật người học còn được chú trọng phát triển thể lực chung và chuyên môn một cách phù hợp với trình độ tập luyện. Bên cạnh đó, thông qua rèn luyện các kỹ năng, kỹ xảo và thể lực hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, vượt khó, có lòng đam mê môn bóng chuyên nói riêng và thể thao nói chung.	BM. Giáo dục thể chất
78	TC209	Bóng chuyên nâng cao 4	3	Chương trình TC209 nhằm trang bị cho người học: khả năng mô tả, giải thích về hình thái cơ thể người. Nắm vững những đặc trưng, các test đánh giá tuyển chọn vận động viên và bóng chuyên nói chung. Đồng thời biết triển khai, điều chỉnh và phát triển các kỹ chiến thuật để ứng dụng trong tập luyện và thi đấu bóng chuyên. Bên cạnh đó, chú trọng nâng cao từng bước kỹ thuật tấn công cũng như phòng thủ cho việc mở rộng và phối hợp các kỹ chiến thuật trong tập luyện và thi đấu. Ngoài ra, người học còn được chú trọng phát triển thể lực chung và chuyên môn một cách phù hợp với trình độ tập luyện. Song song đó, thông qua rèn luyện các kỹ năng, kỹ xảo và thể lực hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, vượt khó, có lòng đam mê môn bóng chuyên nói riêng và thể thao nói chung.	BM. Giáo dục thể chất
79	TC210	Bóng chuyên nâng cao 5	3	Chương trình bóng chuyên nâng cao 5 trang bị cho người học: khả năng mô tả, mô tả và xây dựng một chương trình huấn luyện môn bóng chuyên ngắn hạn - dài hạn đồng thời biết thiết kế, đánh giá và tổ chức phối hợp các loại hình chiến thuật. Ngoài ra, để tạo nền tảng cho việc thực hiện các kỹ thuật đồng tác người học còn được chú trọng phát triển thể lực chung và chuyên môn một cách phù hợp với trình độ tập luyện. Thông qua rèn luyện các kỹ năng, kỹ xảo và thể lực hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, vượt khó, có lòng đam mê môn bóng chuyên nói riêng và thể thao nói chung.	BM. Giáo dục thể chất
80	TC211	Bóng đá nâng cao 1	3	Nội dung học phần gồm các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá như: Luật bóng đá, kỹ thuật tâng bóng, kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn	BM. Giáo dục thể chất



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				chân, kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân, kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân, kỹ thuật giữ bóng, kỹ thuật dẫn bóng bằng lòng, bằng mu trong, bóng, kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên.	
81	TC388	Bóng đá nâng cao 2	3	Nội dung học phần gồm các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá như: kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa, kỹ thuật nhận bóng nửa nảy, kỹ thuật dẫn bóng bằng mu giữa, bằng mu ngoài, kỹ thuật bật nhảy nãnh nầu bằng trán giữa, kỹ thuật chạy nã ném biên, Kỹ thuật tranh cướp bóng trước mặt và hai bên, ãnh tác giả thân, chiến thuật cá nhân, chạy chỗ, di chuyển dẫn bóng qua người kết hợp làm ãnh tác giả sút cầu môn.	BM. Giáo dục thể chất
82	TC392	Bóng đá nâng cao 3	3	Nội dung học phần gồm các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá như: kỹ thuật đá bóng bằng lòng, mu trong, mu giữa, kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài, kỹ thuật dừng bóng bằng ngực, bằng đầu, kỹ thuật dẫn bóng bằng mu giữa, bằng mu ngoài, kỹ thuật bật nhảy đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật chạy ã ném biên, Kỹ thuật tranh cướp bóng bóng trên không, ãnh tác giả chân, bài tập chiến thuật cố định như: ném biên, đá phạt, giao bóng, làm hàng rào, đá phạt góc, đá phạt 11m, Chiến thuật phối hợp tấn công biên .	BM. Giáo dục thể chất
83	TC212	Bóng đá nâng cao 4	3	Nội dung học phần gồm các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá như: tiếp tục nâng cao các kỹ thuật: kỹ thuật đá bóng bằng lòng, mu trong, mu giữa, kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài, kỹ thuật dừng bóng bằng ngực, bằng đầu, kỹ thuật dẫn bóng bằng mu giữa, bằng mu ngoài, kỹ thuật bật nhảy đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật chạy ã ném biên, kỹ thuật tranh cướp bóng bóng trên không, ãnh tác giả chân, bài tập chiến thuật như: tập chiến thuật tấn công biên, tấn công trung lộ, chiến thuật phòng thủ kèm người.	BM. Giáo dục thể chất
84	TC213	Bóng đá nâng cao 5	3	Nội dung học phần gồm các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá như: tiếp tục nâng cao các kỹ thuật: kỹ thuật đá bóng bằng lòng, mu trong, mu giữa, kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài, kỹ thuật dừng bóng bằng ngực, bằng đầu, kỹ thuật dẫn bóng bằng mu giữa, bằng mu ngoài, kỹ thuật bật nhảy đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật chạy ã ném biên, kỹ thuật tranh cướp bóng bóng trên không, ãnh tác giả chân, bài tập chiến thuật như: tập chiến thuật tấn công biên, tấn công trung lộ, chiến thuật phòng thủ kèm người	
85	TC214	Cầu lông nâng cao 1	3	Giới thiệu về môn cầu lông chiếm một vị trí quan trọng trong hoạt động văn hóa TDTT ở nước ta và tác dụng của tập luyện môn cầu lông ãnh lại sức khỏe cho mọi người. Giới thiệu nguồn gốc và sự phát triển môn cầu lông trên Thế giới và ở Việt Nam. Giới thiệu hệ thống các giải thi đấu cầu lông của “IBF”: Giải “Cup Thomat”, Giải “Cup UBER”. Giải vô địch cầu lông thế giới. Thi đấu cầu lông xếp hạng giải thưởng lớn thế giới cúp mở rộng. Giải thi đấu cầu lông ãnh kháng Âu – Á. Phân tích các nguyên lý cơ bản của kỹ thuật cầu lông: Cách cầm vợt, cầm cầu. Các tư thế chuẩn bị cơ bản. Kỹ thuật di chuyển đơn bước với các bài tập tiến, lùi, phải, trái, phối hợp. Kỹ thuật phát cầu thuận tay. Kỹ thuật phát cầu trái tay. Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải. Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên trái. Kỹ thuật đánh cầu trên đầu (cao sâu). Kỹ thuật ãnh cầu. Kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải. Kỹ thuật ãnh	BM. Giáo dục thể chất

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				cầu cao tay bên trái. Kỹ thuật đánh cầu chéo góc cao tay bên phải, cao tay bên trái. Kỹ thuật bỏ nhỏ cầu bên phải và bên trái. Thể lực chung.	
86	TC389	Cầu lông nâng cao 2	3	<p>Giới thiệu những yêu cầu khi vận dụng chiến thuật: (– Yêu cầu thứ nhất: Vận dụng chiến thuật phải có mục đích trên cơ sở phát huy ưu điểm, che giấu nhược điểm của bản thân để tấn công vào yếu điểm của đối phương nhằm hạn chế điểm mạnh của đối phương. – Yêu cầu thứ 2: Chiến thuật gài cầu được vận dụng một cách linh hoạt vào điều kiện cụ thể của từng trận đấu, từng hiệp đấu. – Yêu cầu thứ 3: Khi xác định chiến thuật phải có sự thống nhất giữa chỉ đạo viên và vận động viên).</p> <p>Giới thiệu chiến thuật trong thi đấu đơn, chiến thuật trong thi đấu đôi.</p> <p>Phân tích nâng cao kỹ thuật di chuyển đơn bước với các bài tập tiến, lùi, phải, trái, phối hợp. Nâng cao kỹ thuật phát cầu thuận tay. Kỹ thuật phát cầu trái tay. Nâng cao kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải. Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên trái. Nâng cao kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải. Kỹ thuật đánh cầu cao tay bên trái. Nâng cao kỹ thuật đánh cầu trên đầu (cao sâu). Nâng cao kỹ thuật đập cầu. Kỹ thuật bỏ nhỏ cầu bên phải và bên trái. Thể lực chuyên môn.</p>	BM. Giáo dục thể chất
87	TC393	Cầu lông nâng cao 3	3	<p>Giới thiệu các phương pháp giảng dạy cầu lông: Phương pháp sử dụng lời nói. Phương pháp trực quan. Phương pháp bài tập. Phương pháp trò chơi và thi đấu.</p> <p>Giới thiệu giảng dạy kỹ thuật cầu lông.</p> <p>Giới thiệu giảng dạy chiến thuật cầu lông.</p> <p>Phân tích hoàn thiện kỹ thuật phát cầu. Hoàn thiện kỹ thuật đánh cầu. Hoàn thiện kỹ thuật phòng thủ thấp tay, cao tay. Hoàn thiện kỹ thuật chụp cầu. Hoàn thiện kỹ thuật đập cầu. Hoàn thiện kỹ thuật bỏ nhỏ. Phối hợp di chuyển ngang với phòng thủ. Phân tích sự phối hợp bật nhảy đánh cầu trên lưới. Phối hợp di chuyển tiến lùi với phòng thủ và tấn công. Phối hợp bật nhảy với đập cầu cao sâu hoặc góc nhỏ.</p>	BM. Giáo dục thể chất
88	TC215	Cầu lông nâng cao 4	3	<p>Hướng dẫn cách xây dựng kế hoạch giảng dạy cầu lông bao gồm:</p> <p>Những nguyên lý cơ bản của công tác lập kế hoạch. Phương pháp biên soạn chương trình, tiến trình, giáo án giảng dạy.</p> <p>Nghiên cứu khoa học trong môn cầu lông: – Mục đích, ý nghĩa và xu hướng nghiên cứu khoa học trong cầu lông. – Phương pháp nghiên cứu khoa học. – Tổ chức và tiến hành tổ chức nghiên cứu khoa học.</p> <p>Phân tích hoàn thiện chiến thuật phát cầu trong đánh đơn, đánh đôi. Hoàn thiện chiến thuật di chuyển trong đánh đôi. Hoàn thiện chiến thuật di chuyển trong đánh đơn.</p> <p>Phân tích chiến thuật phối hợp di chuyển trong đánh đôi. Chiến thuật hai đánh một trong đánh đôi. Chiến thuật tiêu hao thể lực đối phương.</p> <p>Tổ chức thi đấu 2 với 1. Thi đấu đơn. Thi đấu đôi. Thi đấu đôi nam nữ phối hợp.</p>	BM. Giáo dục thể chất
89	TC216	Cầu lông nâng cao 5	3	<p>Giới thiệu phương pháp tổ chức thi đấu: – Tổ chức thi đấu cầu lông (Hình thức và tính chất thi đấu, phương pháp tiến hành thi đấu, công tác tổ chức thi đấu). – Phương pháp trọng tài cầu lông: (Những yêu cầu đối với trọng tài, thành phần</p>	BM. Giáo dục thể chất

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				trọng tài của giải, nhiệm vụ quyền hạn của trọng tài). – Luật thi đấu cầu lông. Phân tích chiến thuật phối hợp bật nhảy đánh cầu cao sâu. Phối hợp bật nhảy đánh góc nhỏ. Phối hợp bật nhảy đập cầu với chặn cầu. Phối hợp chụp cầu với chặn cầu. Phối hợp kỹ thuật tổng hợp. Tổ chức thực hành bốc thăm xếp lịch thi đấu, thực hành cách thức làm trọng tài cầu lông. Tổ chức thi đấu cá nhân, thi đấu đồng đội.	
90	TC400	Luận văn tốt nghiệp - TDTT	10	Nội dung chính được giảng dạy cho người học là phương pháp nghiên cứu khoa học và cách thức để thực hiện một khóa luận tốt nghiệp.	BM. Giáo dục thể chất
91	TC399	Tiểu luận tốt nghiệp - TDTT	4	Nội dung chính ở học phần này, sinh viên sẽ thực hiện một đề tài nghiên cứu (tự chọn hoặc giảng viên gợi ý). Đề tài nghiên cứu liên quan đến các vấn đề giáo dục thể chất, huấn luyện thể thao, y sinh học thể thao.... Học phần giúp sinh viên bước đầu thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học, là bước chuẩn bị để sau này sinh viên thực hiện luận văn tốt nghiệp.	BM. Giáo dục thể chất
92	TC317	Quần vợt	3	Lịch sử phát triển môn quần vợt, một số điều luật cơ bản trong thi đấu quần vợt, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật đánh bóng xoáy lên, kỹ thuật đánh bóng xoáy xuống, kỹ thuật giao bóng, chiến thuật đánh đơn, đánh đôi trong thi đấu quần vợt	BM. Giáo dục thể chất
93	TC394	Cờ vua	2	- Nguồn gốc ra đời và lịch sử phát triển môn cờ vua. - Nhận dạng quân cờ, vị trí ban đầu các quân cờ, các thuật ngữ trong cờ vua, cách ghi chép trong cờ vua, giá trị tương đối các quân cờ... - Tấn công và phòng thủ, hòa, thắng, thua, cách chiếu hết, nguyên tắc xử sự trong thi đấu. - Nguyên tắc tổ chức và phương pháp thi đấu môn cờ vua, trọng tài cờ vua, soạn thảo điều lệ, hệ thống thi đấu, bốc thăm bằng phần mềm Swiss. - Thực hiện nước đi, hoàn thành cờ, đồng hồ cờ, các thế cờ không hợp lệ, ghi chép các nước đi, tính điểm, tư cách đấu thủ...	BM. Giáo dục thể chất
94	TC396	Bóng ném	2	- Nguồn gốc ra đời và lịch sử phát triển môn Bóng ném. - Kỹ thuật tấn công trong bóng ném, kỹ thuật phòng thủ trong bóng ném, kỹ thuật thủ môn vận động viên bóng ném. - Chiến thuật tấn công và phòng thủ cơ bản, chiến thuật tấn công và phòng thủ trận địa, chiến thuật tấn công nhanh và phòng thủ chống tấn công nhanh, chiến thuật tấn công và phòng thủ cố định. - Yêu cầu chuyên môn cho vận động viên bóng ném, giảng dạy và huấn luyện kỹ - chiến thuật bóng ném, huấn luyện và giảng dạy thể lực trong bóng ném. - Luật Bóng ném, phương pháp tổ chức và thi đấu bóng ném.	BM. Giáo dục thể chất
95	TC321	Karatedo	3	Học phần võ Karatedo sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận môn học; hệ thống luật lệ thi đấu, các phương pháp rèn luyện và chương trình huấn luyện cá nhân. Sinh viên cũng sẽ được học các kỹ thuật căn bản của Karatedo như kumite, quyền, các tư thế tấn. và một số các kỹ thuật, chiến thuật đối kháng, các đòn chân phức tạp hơn và được giao lưu đối kháng thông dụng, phù hợp.	BM. Giáo dục thể chất
96	TC218	Khiêu vũ	2	Học phần Khiêu vũ thể thao cung cấp kiến thức cơ bản cho	BM. Giáo

<b>TT</b>	<b>Mã số HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Mô tả tóm tắt học phần</b>	<b>Đơn vị giảng dạy học phần</b>
		Thể thao		sinh viên về nguồn gốc, lịch sử Khiêu vũ giao tiếp, Ý nghĩa tác dụng tập luyện môn Khiêu vũ giao tiếp, nguyên lý kỹ thuật môn Khiêu vũ giao tiếp Sinh viên nắm vững kỹ thuật động tác và có khả năng tập luyện thuần thục các điệu nhảy cơ bản là một trong những kiến thức của học phần Khiêu vũ giao tiếp và nguyên lý kỹ thuật Khiêu vũ giao tiếp, tập luyện các động tác kỹ thuật căn bản và các điệu nhảy cơ bản của Khiêu vũ giao tiếp.	dục thể chất

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

## 5. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào đặc trưng của từng ngành học, nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học có thể gồm những hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài trời hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học, giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy học đa dạng như sau: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp học qua dự án, phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp học qua tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập,...

## 6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt tiến trình đào tạo) và đánh giá tổng hợp thực hiện định kỳ vào giữa và cuối các tiến trình học tập (ví dụ như đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ). Các phương pháp đánh giá trực tiếp và gián tiếp thông qua: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp,...

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

Cần Thơ, ngày 31 tháng 07 năm 2019

TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG BỘ MÔN GDTC  
  
Nguyễn Văn Hòa

PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN  
  
Lê Bá Tường

**PHỤ LỤC**  
**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**